

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1006/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-9-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Cẩm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Ông Phạm Văn Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Văn Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1279/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Hồng N**, sinh năm: 1987; Địa chỉ: 172 ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (Bà N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: 998 đường V, tổ 2, ấp 6A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông T vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn ngày 30/9/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn T bắt đầu chung sống từ năm 2008, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và được Ủy ban nhân dân xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/3/2009. Thời gian đầu bà và ông T chung sống cũng hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đe dọa bà khi nhậu say. Bà và ông T sống ly thân từ tháng 4

năm 2018 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung, bà và ông T chung sống có một con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 12/3/2009. Hiện trẻ T1 đang sống với bà, vì vậy khi ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cùng bà.

Về tài sản chung, bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

*- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Vĩnh Lộc B thì ông T hiện có đang ở tại địa chỉ 998 Vĩnh Lộc tổ 2 ấp 6A, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh từ năm 2018 cho đến nay nhưng chưa đăng ký thường trú, tạm trú, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cho ông Nguyễn Văn T nhưng ông T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An cấp ngày 24/3/2009 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N xác định giữa bà và ông T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T không có trách nhiệm với gia đình, bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân thì không biết thông tin về bà N và ông T. Tuy nhiên, việc bà N và ông T mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân là có diễn ra. Ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà N và ông T đã không đạt được, do đó, bà N yêu cầu ly hôn đối với ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: Bà N xác nhận giữa bà và ông T có một con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 12/3/2009. Hiện trẻ T1 đang sống với bà N nên bà N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung khi ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cùng bà.

[7.1] Về quyền nuôi con sau khi ly hôn: Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 26/12/2019, trẻ Nguyễn Minh T1 có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà N. Mặt khác, do ông T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình đối với con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét khả năng của các đương sự về việc đảm bảo cuộc sống ổn định, tinh thần cho con sau khi ly hôn cũng như căn cứ vào nguyện vọng của trẻ theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trẻ Nguyễn Minh T1 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng.

[7.2] Về cấp dưỡng, bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cùng bà nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T.

[8] Về tài sản chung: Bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung giữa ông và bà N. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của bà N, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về nợ chung: Bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về nợ chung giữa ông và bà N. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của bà N, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 19, Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An cấp ngày 24/3/2009 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Giao một con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 12/3/2009 cho bà Lê Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Văn T.

Ông Nguyễn Văn T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Bà Lê Thị Hồng N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

1.4 Về nợ chung: Bà Lê Thị Hồng N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà N đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0079080 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND xã Phước Tuy, H. Cần Đức,  
Tỉnh Long An (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

**Trần Thị Hồng Cẩm**